TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/DS-ST
Ngày: 29-5-2026
"V/v Tranh chấp về hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

2. Ông Huỳnh Minh Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2026/TLST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp về hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số F, ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Châu Thị P, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số F, ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G trình bày:

Bà có chồng tên Nguyễn Văn T, hiện hôn nhân đang tồn tại.

Bà và bà Châu Thị P có mối quan hệ quen biết do chị em cùng xóm với nhau. Vào ngày 05/6/2024, bà có đứng ra tổ chức (làm đầu thảo) dây hụi có giá trị 2.000.000 đồng/phần, hình thức góp theo tháng, tổng số phần hụi trong dây này là 18 phần. Bà P

có xin tham gia dây hụi nêu trên với số lượng 01 phần. Ngay tại kỳ khui hụi đầu tiên diễn ra vào ngày 05/6/2024, bà P đã tham gia bỏ thăm và được hốt hụi. Bà đã giao đủ số tiền hụi cho bà P là: 25.500.000 đồng – 1.000.000 đồng (tiền thảo hụi) = 24.500.000 đồng. Kể từ sau khi hốt hụi, bà P có nghĩa vụ phải đóng lại các phần hụi chết (mỗi kỳ 2.000.000 đồng) cho các kỳ tiếp theo để bà giao lại cho các hụi viên khác. Tuy nhiên, bà P chỉ thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết được 03 kỳ thì ngưng, bà P không thanh toán, cố tình trốn tránh và không đóng thêm bất kỳ khoản tiền hụi chết nào cho bà, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Hiện bà P còn nợ bà tổng cộng 14 kỳ hụi chết, cụ thể: 14 kỳ × 2.000.000 đồng/kỳ = 28.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Châu Thị P phải trả một lần cho bà số tiền nợ hụi là 28.000.000 đồng.

Bà là người trực tiếp đứng ra mở hụi, khui hụi và giao nhận tiền hụi với các hụi viên, không liên quan đến chồng và các thành viên khác trong gia đình bà. Bà xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà P có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi cho bà, không yêu cầu các thành viên khác trong gia đình bà P phải trả tiền cho bà.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Châu Thị P trình bày:

Trước đây bà thừa nhận bà có tham gia dây hụi do bà G làm chủ thảo như bà G trình bày. Cụ thể là vào ngày 05/6/2024, bà có tham gia dây hụi do bà G tổ chức (làm đầu thảo), dây hụi có giá trị 2.000.000 đồng/phần, hình thức góp theo tháng, tổng số phần hụi trong dây này là 18 phần, bà tham gia với số lượng 01 phần. Bà đã tham gia bỏ thăm và được hốt hụi vào ngày 05/6/2024 (kỳ đầu tiên). Bà đã nhận số tiền là 24.500.000 đồng (25.500.000 đồng - 1.000.000 đồng (tiền thảo hụi)). Kể từ sau khi hốt hụi, bà đã đóng đầy đủ tiền hụi chết cho bà G nên hiện nay không còn nợ bà G bất kỳ khoản tiền hụi nào cả. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của bà G thì bà không đồng ý vì bà và bà G đã thanh toán toàn bộ nợ nần với nhau.

Đây là khoản nợ riêng của bà trước đây, không liên quan đến chồng con bà và bà đã lấy tiền riêng của bà để thanh toán hụi chết cho bà G toàn bộ. Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Ngọc G. Việc tranh chấp tiền hụi giữa vợ ông là bà G và bà Châu Thị P, ông không có ý kiến gì, ông để vợ ông được toàn quyền quyết định mọi vấn đề có trong vụ án, mọi quyết định và ý kiến của bà Nguyễn Ngọc G đều là ý chí của ông, ông xác định không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài ra, ông không còn ý kiến và yêu cầu gì khác

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Các đương sự cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ và triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Bị đơn bà Châu Thị P trình bày: Yêu cầu bà G cung cấp giấy nợ hụi có chữ ký của bà thì bà mới đồng ý trả tiền cho bà G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, có căn cứ xác định bà Châu Thị P có tham gia dây hụi do bà Nguyễn Ngọc G làm chủ hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, mở ngày 05/6/2024, gồm 18 phần hụi. Bà P đã tham gia bỏ thăm, hốt hụi ngay kỳ đầu tiên và nhận số tiền thực tế là 24.500.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà P có nghĩa vụ tiếp tục đóng hụi chết cho các kỳ còn lại của dây hụi theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Dây hụi đã mãn vào ngày 05/11/2025. Nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ 14 kỳ hụi chết với tổng số tiền 28.000.000 đồng. Mặc dù bị đơn cho rằng đã thanh toán đầy đủ tiền hụi chết cho nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Ngược lại, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2025 trong vụ án dân sự thụ lý số 79/2025/TLST-DS, chính bị đơn xác định còn nợ tiền hụi của nguyên đơn từ tháng 9/2024. Lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai trước đây nhưng bị đơn không giải thích được nguyên nhân của sự mâu thuẫn này. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên hụi. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hụi nên bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi còn thiếu cho nguyên đơn. Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 12, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường (gọi tắt là Nghị định số 19/2019/NĐ-CP) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Châu Thị P trả số tiền hụi còn nợ phát sinh từ giao dịch hụi giữa các bên. Bị đơn bà Châu Thị P có địa chỉ tại ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tố tụng được xác định là "Tranh chấp về hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Châu Thị P thừa nhận có tham gia dây hụi do bà Nguyễn Ngọc G làm đầu thảo vào ngày 05/6/2024, dây hụi có giá trị 2.000.000 đồng/phần, hình thức góp theo tháng, tổng số 18 phần và bà tham gia 01 phần. Bị đơn cũng thừa nhận đã tham gia bỏ thăm, được hốt hụi ngay kỳ đầu tiên và thực nhận số tiền 24.500.000 đồng sau khi trừ tiền thảo hụi. Đây là các tình tiết, sự kiện được bị đơn thừa nhận nên không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng sau khi hốt hụi đã thanh toán đầy đủ các kỳ hụi chết cho nguyên đơn nên hiện không còn nợ nguyên đơn bất kỳ khoản tiền hụi nào.

[2.2] Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng nguyên đơn phải cung cấp giấy xác nhận nợ hụi có chữ ký của bị đơn thì bị đơn mới đồng ý trả tiền. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án số 79/2025/TLST-DS ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2025, bị đơn trình bày: "Ngoài ra, tôi còn tham gia 02 phần hụi do bà G làm chủ thảo, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 05/8/2023 và ngày 05/6/2024, tuy nhiên tôi chỉ còn nợ tiền hụi bà G từ tháng 9/2024 cho đến nay". Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án này, bị đơn cũng thừa nhận có tham gia dây hụi do bà G làm chủ thảo, được hốt hụi ngay kỳ đầu tiên và nhận số tiền thực tế là 24.500.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa cho rằng đã thanh toán đầy đủ tiền hụi chết cho nguyên đơn và chỉ đồng ý trả tiền khi nguyên đơn cung cấp giấy xác nhận nợ hụi là không phù hợp với lời khai trước đây của bị đơn về việc còn nợ tiền hụi của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, khi góp hụi hoặc thực hiện các giao dịch liên quan đến hụi thì thành viên có quyền yêu cầu chủ hụi hoặc người lập và giữ sổ hụi cấp giấy biên nhận. Tuy nhiên, bị đơn không chứng minh được việc đã yêu cầu nguyên đơn cấp giấy biên nhận khi thực hiện việc đóng hụi chết, đồng thời không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong số tiền hụi còn nợ. Bị đơn cũng không giải thích được nguyên nhân của sự mâu thuẫn trong lời khai của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày này của bị đơn.

[2.3] Xét thấy, sau khi hốt hụi, bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục đóng hụi chết cho đến khi mãn dây hụi theo thỏa thuận giữa các hụi viên và theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP. Dây hụi được mở vào ngày 05/6/2024, hình thức góp theo tháng, tổng số 18 phần hụi nên đã mãn vào ngày 05/11/2025. Nguyên đơn là chủ hụi, đã tổ chức dây hụi, giao tiền hốt hụi cho bị đơn và thực hiện xong nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP. Nguyên đơn xác định bị đơn chỉ đóng được 03 kỳ hụi chết rồi ngưng, hiện còn nợ 14 kỳ hụi chết với tổng số tiền 28.000.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu thanh toán.

[2.4] Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn thừa nhận đã hốt hụi ngay từ kỳ đầu tiên nên phát sinh nghĩa vụ tiếp tục đóng hụi chết cho các kỳ còn lại của dây hụi. Bị đơn cho rằng mình đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ cung cấp

tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán đầy đủ các kỳ hụi chết cho nguyên đơn như biên nhận, giấy giao nhận tiền, người làm chứng hoặc các tài liệu khác có liên quan.

[2.5] Trong khi đó, lời trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn còn nợ 14 kỳ hụi chết là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với việc bị đơn đã hốt hụi ngay từ kỳ đầu tiên và có nghĩa vụ tiếp tục đóng hụi chết cho các kỳ còn lại của dây hụi. Do bị đơn không chứng minh được việc đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Châu Thị P còn nợ bà Nguyễn Ngọc G số tiền hụi chết là 28.000.000 đồng. Việc bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi sau khi đã hốt hụi là vi phạm nghĩa vụ của thành viên theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP. Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, thành viên không góp phần hụi có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ số tiền hụi còn thiếu. Do đó, bà Châu Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc G số tiền hụi còn nợ là 28.000.000 đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G về việc yêu cầu bà Châu Thị P trả số tiền hụi còn thiếu 28.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Châu Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 16, Điều 18, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G về việc tranh chấp về hụi đối với bị đơn bà Châu Thị P.

Buộc bà Châu Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc G số tiền hụi còn nợ là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bà Châu Thị P phải chịu 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000874 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phan Thị Thúy Hồng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Châu **Huỳnh Minh Quân** **Phan Thị Thúy Hồng**